

Ngày 14 tháng 8 năm 2013

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TP. HCM**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM

Công ty: Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San

Mã chứng khoán: MSN

Địa chỉ trụ sở chính: Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza, Số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08 6256 3862

Fax: 08 3827 4115

Người thực hiện công bố thông tin: ông Trần Quang Chúc

Địa chỉ: Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza, Số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại (cơ quan): 08 6256 3862 (số máy lẻ: 5200)

Fax: 08 3827 4115

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố: Báo cáo tài chính quý 2 năm 2013.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 14/8/2013 tại đường dẫn <http://masangroup.com/vi/quan-he-co-dong/thong-tin-tai-chinh/bao-cao-tai-chinh-hang-quy>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Người được ủy quyền công bố thông tin


TRẦN QUANG CHỨC

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các
công ty con**

Báo cáo tài chính quý
cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San
Thông tin về Công ty

**Giấy Chứng nhận Đăng ký
Kinh doanh số**

0303576603

ngày 13 tháng 6 năm 2013

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là ngày 13 tháng 6 năm 2013. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh lần đầu tiên số 4103002877 được cấp ngày 18 tháng 11 năm 2004.

Hội đồng Quản trị

Tiến sĩ Nguyễn Đăng Quang
Ông Hồ Hùng Anh
Ông Madhur Maini
Bà Nguyễn Hoàng Yến
Ông Nguyễn Thiệu Nam
Ông Lars Kjaer

Chủ tịch
Phó Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Trụ sở đăng ký

Phòng 802, Tòa nhà Central Plaza
17 Lê Duẩn
Phường Bến Nghé, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

Mẫu B 01 – DN

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			30/6/2013	31/12/2012	30/6/2013	31/12/2012
			Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
TÀI SẢN						
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		8.580.583	9.221.223	1.428.370	2.643.573
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3	6.342.240	5.718.717	589.992	2.160.026
Tiền	111		300.740	151.205	4.627	9.484
Các khoản tương đương tiền	112		6.041.500	5.567.512	585.365	2.150.542
Đầu tư ngắn hạn	120	9	-	1.840.500	-	68.000
Các khoản phải thu	130	4	1.010.317	942.881	755.006	376.179
Phải thu khách hàng	131		179.533	121.300	-	-
Trả trước cho người bán	132		548.368	475.436	183.897	117.773
Phải thu khác	135		283.351	346.523	571.109	258.406
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(935)	(378)	-	-
Hàng tồn kho	140	5	1.016.211	563.855	-	-
Hàng tồn kho	141		1.026.454	575.846	-	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(10.243)	(11.991)	-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		211.815	155.270	83.372	39.368
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		31.961	27.492	6.360	496
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		103.633	105.858	34.489	30.243
Tài sản ngắn hạn khác	158		76.221	21.920	42.523	8.629

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính quý này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			30/6/2013	31/12/2012	30/6/2013	31/12/2012
			Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 250 + 260)	200		32.817.632	29.478.033	25.846.800	23.197.560
Các khoản phải thu – dài hạn	210	4	263.848	23.158	2.426.200	1.658.406
Phải thu khác	218		263.848	23.158	2.426.200	1.658.406
Tài sản cố định	220		20.528.328	17.728.751	87.674	84.437
Tài sản cố định hữu hình	221	6	1.735.239	1.547.311	77.301	11.707
<i>Nguyên giá</i>	222		2.341.857	2.040.428	92.168	17.698
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(606.618)	(493.117)	(14.867)	(5.991)
Tài sản cố định vô hình	227	7	828.282	863.516	3.050	1.102
<i>Nguyên giá</i>	228		1.058.150	1.028.783	3.790	1.566
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(229.868)	(165.267)	(740)	(464)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	8	17.964.807	15.317.924	7.323	71.628
Đầu tư dài hạn	250	9	11.246.795	11.313.619	23.304.462	21.423.058
Đầu tư vào các công ty con	251		-	-	14.372.038	12.490.634
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		10.877.695	10.948.119	8.932.424	8.932.424
Đầu tư dài hạn khác	258		369.100	365.500	-	-
Tài sản dài hạn khác	260		778.661	412.505	28.464	31.659
Chi phí trả trước dài hạn	261	10	106.054	97.060	18.151	21.346
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	11	47.491	36.035	-	-
Tài sản dài hạn khác	268		34.871	30.778	10.313	10.313
Lợi thế thương mại	269	12	590.245	248.632	-	-
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		41.398.215	38.699.256	27.275.170	25.841.133

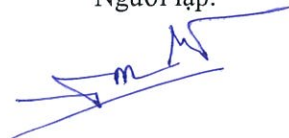
Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính quý này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			30/6/2013	31/12/2012	30/6/2013	31/12/2012
			Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
NGUỒN VỐN						
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		18.769.778	18.994.871	11.455.559	10.020.279
Nợ ngắn hạn	310		5.879.324	4.748.364	586.400	473.329
Vay và nợ ngắn hạn	311	13	3.304.195	1.793.384	188.100	-
Phải trả người bán	312		948.998	973.856	1.787	1.854
Người mua trả tiền trước	313		9.937	14.490	-	-
Thuế và các khoản phải nộp						
Nhà nước	314	14	336.080	608.893	473	-
Phải trả người lao động	315		45.342	12.480	-	-
Chi phí phải trả	316	15	1.155.636	1.300.931	396.040	471.475
Phải trả khác	319	16	79.136	44.330	-	-
Vay và nợ dài hạn	330		12.890.454	14.246.507	10.869.159	9.546.950
Nợ dài hạn khác	333	16	858.007	737.832	2.630.737	2.170.428
Vay và nợ dài hạn	334	17	11.176.198	12.647.177	8.238.422	7.376.522
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	11	854.868	860.117	-	-
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336	18	1.381	1.381	-	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		15.233.252	13.883.837	15.819.611	15.820.854
Vốn chủ sở hữu	410	19	15.233.252	13.883.837	15.819.611	15.820.854
Vốn cổ phần	411	20	7.051.409	6.872.801	7.051.409	6.872.801
Thặng dư vốn cổ phần	412	20	7.999.167	7.999.167	7.999.167	7.999.167
Vốn khác của chủ sở hữu	413	21	1.721.824	1.721.824	1.721.824	1.721.824
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(42.759)	(16.128)	-	-
Vốn khác	418		(7.541.836)	(8.619.479)	(530.235)	(530.235)
Lợi nhuận chưa phân phối	420		6.045.447	5.925.652	(422.554)	(242.703)
LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		7.395.185	5.820.548	-	-
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400 + 439)	440		41.398.215	38.699.256	27.275.170	25.841.133

Người lập:



Đoàn Thị Mỹ Duyên
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Đăng Quang
Chủ tịch

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính quý này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6
năm 2013

Mẫu B 02 – DN

Tập đoàn

	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/4/2013 đến 30/6/2013	Từ 1/4/2012 đến 30/6/2012	Từ 1/1/2013 đến 30/6/2013	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012
			Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Tổng doanh thu	01	22	2.779.714	2.559.050	4.354.940	4.164.134
Các khoản giảm trừ	02	22	43.621	34.728	84.861	102.259
Doanh thu thuần (10 = 01 – 02)	10	22	2.736.093	2.524.322	4.270.079	4.061.875
Giá vốn hàng bán	11	23	1.624.772	1.486.209	2.651.459	2.464.704
Lợi nhuận gộp (20 = 10 – 11)	20		1.111.321	1.038.113	1.618.620	1.597.171
Doanh thu tài chính	21	24	87.362	194.532	227.118	556.138
Chi phí tài chính	22	25	83.826	54.074	156.922	171.364
Chi phí bán hàng	24		386.078	302.172	732.045	526.559
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		213.323	194.207	389.765	306.998
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		515.456	682.192	567.006	1.148.388
Thu nhập khác	31	26	27.244	95.454	123.675	100.223
Chi phí khác	32	27	17.479	3.315	33.745	12.089
Kết quả của các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		9.765	92.139	89.930	88.134
(Lỗ)/lợi nhuận từ các công ty liên kết	41	28	(58.414)	(3.910)	(73.314)	88.041
Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40 + 41)	50		466.807	770.421	583.622	1.324.563
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51		176.792	95.372	296.297	170.639
Chi phí/(lợi ích) thuế thu nhập hoãn lại	52		22.814	1.339	(15.007)	30.198
Lợi nhuận thuần (mang sang trang sau) (60 = 50 - 51 - 52)	60		267.201	673.710	302.332	1.123.726

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính quý này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6
năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN

Tập đoàn

	Mã	Thuyết	Từ 1/4/2013	Từ 1/4/2012	Từ 1/1/2013	Từ 1/1/2012
	số	minh	đến	đến	đến	đến
			30/6/2013	30/6/2012	30/6/2013	30/6/2012
			Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Lợi nhuận thuần (mang từ						
trang trước sang)	60		267.201	673.710	302.332	1.123.726
Phân bổ cho:						
Cổ đông thiểu số	61		132.099	174.422	166.611	274.493
Chủ sở hữu của Công ty	62		135.102	499.288	135.721	849.233
Lãi trên cổ phiếu						
Lãi cơ bản trên cổ phiếu bằng VND	70	29	185	721	186	1.227

Người lập:



Đoàn Thị Mỹ Duyên
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Đăng Quang
Chủ tịch

Emi

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Tập đoàn

	Mã số	Giá định ⁽¹⁾			
		Từ 1/4/2013 đến 30/6/2013	Từ 1/4/2012 đến 30/6/2012	Từ 1/1/2013 đến 30/6/2013	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012
		Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Tổng doanh thu	01	2.779.714	2.559.050	4.354.940	4.164.134
Các khoản giảm trừ	02	43.621	34.728	84.861	102.259
Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10	2.736.093	2.524.322	4.270.079	4.061.875
Giá vốn hàng bán	11	1.624.772	1.486.209	2.651.459	2.464.704
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20	1.111.321	1.038.113	1.618.620	1.597.171
Doanh thu tài chính	21	87.362	194.532	227.118	556.138
Chi phí tài chính	22	83.826	54.074	156.922	171.364
Chi phí bán hàng	24	386.078	302.172	732.045	526.559
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	161.930	153.420	296.412	223.079
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30	566.849	722.979	660.359	1.232.307
Thu nhập khác	31	27.244	95.454	123.675	100.223
Chi phí khác	32	17.479	3.315	33.745	12.089
Kết quả của các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40	9.765	92.139	89.930	88.134
Lợi nhuận từ các công ty liên kết	41	109.562	139.383	263.189	374.095
Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40 + 41)	50	686.176	954.501	1.013.478	1.694.536
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51	176.792	95.372	296.297	170.639
Chi phí/(lợi ích) thuế thu nhập hoãn lại	52	25.439	3.964	(9.758)	35.447
Lợi nhuận thuần (mang sang trang sau) (60 = 50 - 51 - 52)	60	483.945	855.165	726.939	1.488.450

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính quý này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Tập đoàn

	Mã số	Giả định ⁽¹⁾			
		Từ 1/4/2013 đến 30/6/2013	Từ 1/4/2012 đến 30/6/2012	Từ 1/1/2013 đến 30/6/2013	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012
		Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Lợi nhuận thuần (mang từ trang trước sang)	60	483.945	855.165	726.939	1.488.450
Phân bổ cho:					
Cổ đông thiểu số	61	147.245	191.481	196.904	306.699
Chủ sở hữu của Công ty	62	336.700	663.684	530.035	1.181.751
Lãi trên cổ phiếu					
Lãi cơ bản trên cổ phiếu bằng VND	70	461	959	726	1.708

(1)

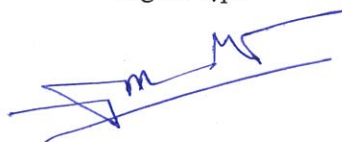
- Cộng lại khoản phân bổ lợi thế thương mại từ việc tái chuyển nhượng cổ phần của của Ngân hàng Techcombank trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 và 2012 và giả định Masan Tập đoàn đã sở hữu 30.44% lợi ích kinh tế trong Ngân hàng Techcombank kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2012.*
- Cộng lại khoản phân bổ lợi thế thương mại tài sản cố định hữu hình và vô hình từ thương vụ mua lại Công ty cổ phần Vinacafe Biên Hòa cho trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 và 2012.*
- Cộng lại khoản phân bổ lợi thế thương mại và phân bổ giá mua từ thương vụ mua lại Công ty Cổ phần Việt Pháp Sản Xuất Thực Ăn Gia Súc trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013.*
- Cộng lại khoản phân bổ lợi thế thương mại và phân bổ giá mua từ thương vụ mua lại Công ty Cổ phần Nước Khoáng Vĩnh Hào trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013.*

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm
2013 (tiếp theo)

Công ty

	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/4/2013	Từ 1/4/2012	Từ 1/1/2013	Từ 1/1/2012
			đến 30/6/2013	đến 30/6/2012	đến 30/6/2013	đến 30/6/2012
			Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Tổng doanh thu	01	22	-	-	-	-
Các khoản giảm trừ	02	22	-	-	-	-
Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10	22	-	-	-	-
Giá vốn hàng bán	11	23	-	-	-	-
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		-	-	-	-
Doanh thu tài chính	21	24	299.892	353.428	598.651	643.224
Chi phí tài chính	22	25	378.943	276.505	739.448	605.886
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		59.470	83.450	111.777	99.903
Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25)}	30		(138.521)	(6.527)	(252.574)	(62.565)
Thu nhập khác	31	26	-	79.458	72.723	79.458
Chi phí khác	32	27	-	-	-	-
Kết quả của các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		-	79.458	72.723	79.458
(Lỗ)/lợi nhuận trước thuế	50		(138.521)	72.931	(179.851)	16.893
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51		-	-	-	-
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	52		-	-	-	-
(Lỗ)/lợi nhuận thuần	60		(138.521)	72.931	(179.851)	16.893

Người lập:



Đoàn Thị Mỹ Duyên
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Đăng Quang
Chủ tịch

Eri

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính quý này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN

	Mã số	Thuyết minh	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
			Từ ngày 1/1/2013 đến ngày 30/6/2013 Triệu VND	Từ ngày 1/1/2012 đến ngày 30/6/2012 Triệu VND	Từ ngày 1/1/2013 đến ngày 30/6/2013 Triệu VND	Từ ngày 1/1/2012 đến ngày 30/6/2012 Triệu VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH						
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	01		583.622	1.324.563	(179.851)	16.893
Điều chỉnh cho						
Khấu hao và phân bổ	02		231.879	179.719	14.076	6.181
Các khoản dự phòng	03		6.679	20.662	-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(3.941)	(702)	-	-
Lỗi từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	05		751	1.489	-	-
Thu nhập lãi tiền gửi và cổ tức	05		(183.082)	(550.846)	(590.671)	(643.172)
Chi phí lãi vay	06		85.329	160.593	727.338	596.664
Lỗ/(lợi nhuận) từ các công ty liên kết	07		73.314	(88.041)	-	-
Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		794.551	1.047.437	(29.108)	(23.434)
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		(422.915)	165.651	(197.772)	(111.290)
Biến động hàng tồn kho	10		(426.459)	(327.621)	-	-
Biến động các khoản phải trả và nợ khác	11		(477.794)	(144.483)	(57.119)	(50.015)
			(532.617)	740.984	(283.999)	(184.739)
Tiền lãi vay đã trả	13		(332.278)	(190.389)	(284.939)	(29.343)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã trả	14		(583.231)	(208.707)	-	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(7.428)	(11.629)	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20		(1.455.554)	330.259	(568.938)	(214.082)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính quý này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN

	Mã số	Thuyết minh	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
			Từ ngày 1/1/2013 đến ngày 30/6/2013 Triệu VND	Từ ngày 1/1/2012 đến ngày 30/6/2012 Triệu VND	Từ ngày 1/1/2013 đến ngày 30/6/2013 Triệu VND	Từ ngày 1/1/2012 đến ngày 30/6/2012 Triệu VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ						
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(2.533.597)	(2.013.957)	(14.817)	(38.771)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		113	795	-	-
Khoản vay cấp cho công ty con	23		-	-	(1.144.493)	-
Tiền thu hồi các khoản vay từ công ty con	23		-	-	727.000	2.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	24		(24.037.551)	(13.303.416)	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn nhận được	24		25.878.051	12.347.916	68.000	-
Tiền thu từ đầu tư trái phiếu	25		-	373.000	-	373.000
Tiền đầu tư trái phiếu	25		-	(48.000)	-	(48.000)
Tiền thuần chi cho việc mua lại công ty con	26		(429.139)	-	-	-
Tiền đầu tư vào công ty con	26		(207.463)	-	(1.881.404)	-
Tiền thu từ lãi tiền gửi và cổ tức	27		294.188	543.850	16.010	192.489
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30		(1.035.398)	(2.099.812)	(2,229,704)	2.478.718

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính quý này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			Từ ngày 1/1/2013 đến ngày 30/6/2013 Triệu VND	Từ ngày 1/1/2012 đến ngày 30/6/2012 Triệu VND	Từ ngày 1/1/2013 đến ngày 30/6/2013 Triệu VND	Từ ngày 1/1/2012 đến ngày 30/6/2012 Triệu VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH						
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		178.608	411.000	178.608	411.000
Tiền thu từ vốn góp của cổ đồng thiểu số vào các công ty con	31		2.964.673	12.500	-	-
Tiền thu từ phát hành các công cụ vốn chủ sở hữu và công cụ nợ	31		-	1.666.240	-	1.666.240
Tiền chi mua lại các công cụ vốn chủ sở hữu	32		-	(4.634.395)	-	(4.634.395)
Tiền thu từ vay ngắn hạn và dài hạn	33		3.131.400	5.463.639	1.050.000	2.200.000
Tiền chi trả cho chi phí giao dịch để phát hành công cụ nợ	33		-	(54.065)	-	(54.065)
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(3.173.725)	(1.732.436)	-	-
Tiền chi trả cổ tức cho cổ đồng thiểu số bởi công ty con	36		(14.926)	(15.867)	-	-
Tiền thuần thu từ các hoạt động tài chính	40		3.086.030	1.116.616	1.228.608	(411.220)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20 + 30 + 40)	50		595.078	(652.937)	(1.570.034)	1.853.416
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		5.718.717	9.573.593	2.160.026	1.510.736
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61		28.445	-	-	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	3	6.342.240	8.920.656	589.992	3.364.152

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính quý này

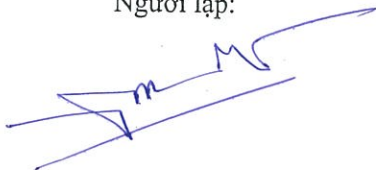
Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN

CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ VÀ TÀI CHÍNH PHI TIỀN TỆ

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	Từ ngày 1/1/2013 đến ngày 30/6/2013 Triệu VND	Từ ngày 1/1/2012 đến ngày 30/6/2012 Triệu VND	Từ ngày 1/1/2013 đến ngày 30/6/2013 Triệu VND	Từ ngày 1/1/2012 đến ngày 30/6/2012 Triệu VND
Phát hành cổ phiếu mới bằng cách chuyển đổi các khoản vay	-	796.524	-	796.524
Phát hành cổ phiếu mới bằng cách chuyển đổi các vốn khác của chủ sở hữu	-	6.358.643	-	6.358.643

Người lập:



Đoàn Thị Mỹ Duyên
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Đăng Quang
Chủ tịch

File

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính quý cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2013

Mẫu B 09 – DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là tư vấn quản lý và tư vấn đầu tư.

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Công ty và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) và lợi ích của Tập đoàn trong một công ty liên kết.

Các hoạt động chính của các công ty con được mô tả như sau:

Tên công ty	Hoạt động chính	Phần trăm lợi ích kinh tế tại	
		30/6/2013	31/12/2012
Công ty TNHH Một Thành Viên Tư vấn Hoa Bằng Lăng	Tư vấn quản lý	100%	100%
Công ty TNHH Một Thành Viên Tư vấn Hoa Phong Lan	Tư vấn quản lý	100%	100%
Công ty TNHH Một Thành Viên Tư Vấn Hoa Đồng Tiền (*)	Tư vấn quản lý	100%	100%
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Thược Dược (*)	Tư vấn quản lý	100%	100%
Công ty Cổ phần Hàng Tiêu Dùng Ma San	Kinh doanh và phân phối	77,4%	80,8%
Công ty TNHH Một Thành Viên Thực phẩm Ma San	Kinh doanh Thực phẩm	77,4%	80,8%
Công ty TNHH Một Thành Viên Công nghiệp Ma San	Sản xuất nước chấm và mì ăn liền	77,4%	80,8%
Công ty TNHH Một Thành Viên Công nghệ Thực phẩm Việt Tiến	Sản xuất nước chấm	77,4%	80,8%
Công ty TNHH Một Thành Viên Ma San HD	Sản xuất mì ăn liền	77,4%	80,8%
Công ty Cổ phần Ma San PQ	Sản xuất nước chấm	73,2%	76,4%
Công ty TNHH Một Thành Viên Bao bì Minh Việt	Sản xuất bao bì	77,4%	80,8%
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Mười Giờ	Tư vấn quản lý	77,4%	80,8%

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính quý cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Tên công ty	Hoạt động chính	Phần trăm lợi ích kinh tế tại	
		30/6/2013	31/12/2012
Công ty Cổ phần Vinacafe Biên Hòa	Sản xuất đồ uống	41,2%	43,0%
Công ty Cổ phần nước khoáng Vĩnh Hảo	Sản xuất đồ uống	49,2%	-
Công ty Cổ Phần Tầm Nhìn Ma San	Tư vấn quản lý	100%	100%
Công ty Cổ Phần Tài Nguyên Ma San	Tư vấn quản lý	67,2%	65%
Công ty TNHH Một Thành Viên Tài Nguyên Ma San Thái Nguyên	Tư vấn quản lý	67,2%	65%
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại và Đầu tư Thái Nguyên	Tư vấn quản lý	67,2%	65%
Công ty TNHH Khai Thác Chế Biến Khoáng Sản Núi Pháo	Khai thác và chế biến quặng	67,2%	65%

(*) Công ty TNHH Một Thành Viên Tư Vấn Hoa Đồng Tiền và Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Thược Dược không được sở hữu bởi Công ty nhưng Công ty được ủy quyền 100% quyền bỏ phiếu và tất cả các lợi ích kinh tế liên quan đến quyền sở hữu trong các công ty này. Do đó, Công ty có quyền kiểm soát các công ty này.

Tất cả các công ty con được thành lập tại Việt Nam.

Tỷ lệ lợi ích kinh tế phản ánh tỷ lệ thực tế của các lợi ích kinh tế trực tiếp và gián tiếp của Tập đoàn trong các công ty con.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính quý cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn và Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính

(i) Cơ sở kế toán chung

Báo cáo tài chính trình bày bằng Đồng Việt Nam làm tròn tới hàng triệu gần nhất (“Triệu VND”), được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Các báo cáo tài chính này cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính riêng và hợp nhất của Công ty và Tập đoàn cho giai đoạn kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Báo cáo tài chính, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(ii) Cơ sở hợp nhất

Hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung

Hợp nhất kinh doanh mà trong đó các công ty chịu sự kiểm soát chung bởi cùng một nhóm cổ đông (“Cổ đông Kiểm soát”) trước và sau khi hợp nhất phù hợp với định nghĩa hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung vì có sự nối tiếp rủi ro và quyền lợi của Cổ đông Kiểm soát. Hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung này đặc biệt nằm ngoài phạm vi của Chuẩn mực kế toán số 11 Hợp nhất kinh doanh và trong sự chọn lựa chính sách kế toán liên quan đến các giao dịch này, Tập đoàn đã cân nhắc Chuẩn mực kế toán số 01 Chuẩn mực chung và Chuẩn mực kế toán số 21 Trình bày báo cáo tài chính. Dựa trên các chuẩn mực này, Tập đoàn đã áp dụng cơ sở kế toán sáp nhập (“nguyên tắc mang sang toàn bộ”). Tài sản và nợ phải trả của các công ty được hợp nhất theo giá trị sổ sách hiện tại dưới khía cạnh nhìn nhận của Cổ đông Kiểm soát. Bất kỳ chênh lệch giữa chi phí mua và giá trị thuần của tài sản được sáp nhập được xem như là sự phân bổ vốn hoặc góp vốn giả định từ các cổ đông và được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty được hợp nhất như thể cấu trúc của Tập đoàn hiện tại đã tồn tại xuyên suốt toàn bộ giai đoạn đề cập trong báo cáo này dưới góc độ của Cổ đông Kiểm soát (hoặc từ lúc các công ty được hợp nhất vào ngày sau ngày bắt đầu của kỳ báo cáo gần nhất, cho kỳ từ ngày hợp nhất đến hết ngày kết thúc kỳ báo cáo tương ứng).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính quý cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Hợp nhất kinh doanh không chịu sự kiểm soát chung

Tất cả các hợp nhất kinh doanh không chịu kiểm soát chung được hạch toán bằng cách áp dụng phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà sự kiểm soát đã được chuyển giao cho tập đoàn. Sự kiểm soát là quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó. Khi xem xét sự kiểm soát, Tập đoàn phải xem xét quyền biểu quyết tiềm tàng mà có thể thực hiện được ở hiện tại.

Theo phương pháp mua, tài sản và các khoản nợ phải trả của Công ty được mua sử dụng giá trị hợp lý khi hợp nhất. Giá mua bao gồm tổng giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn chủ sở hữu phát hành bởi Tập đoàn tại ngày trao đổi. Lợi thế thương mại là phần chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của công ty được mua. Khoản chênh lệch âm, được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các chi phí giao dịch, ngoại trừ các chi phí liên quan đến việc phát hành công cụ nợ hoặc chứng khoán vốn, mà Tập đoàn phát sinh khi hợp nhất kinh doanh bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh, như chi phí trả cho tư vấn tài chính, tư vấn pháp lý, thẩm định viên về giá và các nhà tư vấn liên quan đến hợp nhất kinh doanh. Các chi phí giao dịch này được tính vào giá phí hợp nhất kinh doanh. Các chi phí quản lý chung và các chi phí khác không liên quan trực tiếp đến giao dịch hợp nhất kinh doanh cụ thể đang được ghi nhận thì không được tính vào chi phí mua, mà được ghi nhận là chi phí phát sinh trong năm.

(iii) Công ty con

Các công ty con là các công ty chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Sự kiểm soát này tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát, có tính đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực đến ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(iv) Các công ty liên kết (các đơn vị nhận đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu)

Các công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có sự ảnh hưởng đáng kể nhưng không kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động kinh doanh của công ty. Sự ảnh hưởng đáng kể này được giả định tồn tại khi Tập đoàn nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết của một công ty khác. Các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu) trong báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Đầu tư vào các công ty liên kết của Tập đoàn bao gồm lợi thế thương mại được xác định tại thời điểm mua trừ đi hao mòn lũy kế của lợi thế thương mại. Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi được điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, kể từ ngày bắt đầu sự ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày kết thúc sự ảnh hưởng đáng kể. Khi phân sở hữu của Tập đoàn trong khoản lỗ của các công ty liên kết vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư của Tập đoàn trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, thì giá trị ghi sổ của khoản đầu tư đó (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và Tập đoàn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính quý cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

không phải tiếp tục ghi nhận các khoản lỗ phát sinh sau đó trừ khi Tập đoàn có nghĩa vụ phải thanh toán hay đã thanh toán thay cho đơn vị nhận đầu tư.

(v) Lợi ích của cổ đông thiểu số

Việc mua lợi ích của cổ đông thiểu số sau khi kiểm soát hoặc chuyển nhượng cổ phần cho cổ đông thiểu số trong một công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát, phân chênh lệch giữa giá mua hoặc tiền thu được do chuyển nhượng và giá trị ghi sổ của tài sản thuần mua được hoặc chuyển nhượng tại ngày giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

(vi) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ Tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại công ty được đầu tư.

(b) Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(c) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi các chênh lệch này liên quan đến hoạt động xây dựng các tài sản cố định hữu hình hay chuyển đổi các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong giai đoạn trước hoạt động của công ty con, khi đó các khoản chênh lệch này được ghi nhận vào Tài khoản Chênh lệch Tỷ giá Hối đoái thuộc nguồn vốn chủ sở hữu cho đến khi công ty con bắt đầu hoạt động và các tài sản cố định hữu hình này bắt đầu được đưa vào sử dụng. Khi công ty con bắt đầu hoạt động và các tài sản cố định hữu hình này bắt đầu được đưa vào sử dụng, các chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện có liên quan được kết chuyển toàn bộ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện được kết chuyển vào Tài khoản Doanh thu chưa thực hiện và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện được kết chuyển vào Tài khoản Trả trước dài hạn. Các khoản lãi và lỗ chưa thực hiện này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng năm năm.

(d) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao có thể dễ dàng chuyển đổi thành khoản tiền xác định trước, ít rủi ro về thay đổi giá trị và được giữ nhằm đáp ứng nhu cầu thanh toán ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay các mục đích khác.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính quý cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(e) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư bằng hình thức tiền gửi có kỳ hạn và công cụ nợ; khoản đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị mà Tập đoàn không kiểm soát hoặc ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất; và các khoản đầu tư vào tất cả các công cụ vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính riêng được ghi nhận theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban Giám đốc cho rằng việc giảm giá này không mang tính tạm thời. Dự phòng sẽ được hoàn nhập khi việc tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi là do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được lập. Dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này trong trường hợp không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(f) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(g) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá trị bằng với số thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí liên quan phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của sản phẩm tồn kho, trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(h) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính quý cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2013

Mẫu B 09 – DN

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và cấu trúc	5-25 năm
▪ nâng cấp tài sản thuê	3-5 năm
▪ thiết bị văn phòng	3-6 năm
▪ máy móc và thiết bị	3-12 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3-6 năm

(i) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất gồm giá mua quyền sử dụng đất và toàn bộ các chi phí trực tiếp phát sinh liên quan đến việc đảm bảo quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng từ 40 đến 47 năm.

(ii) Phần mềm vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm vi tính này không là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng bốn đến năm năm.

(iii) Thương hiệu

Nguyên giá mua của thương hiệu được vốn hóa và ghi nhận như tài sản cố định vô hình. Giá trị hợp lý của thương hiệu phát sinh khi hợp nhất kinh doanh được tính bằng việc chiết khấu các khoản tiền bản quyền mà doanh nghiệp tiết kiệm được từ việc sở hữu thương hiệu đó. Giá trị hợp lý của thương hiệu phát sinh khi hợp nhất kinh doanh được ghi nhận là tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng mười năm.

(iv) Quan hệ khách hàng

Mỗi quan hệ khách hàng mà Tập đoàn có được thông qua việc mua lại công ty con, được vốn hóa và trình bày như một tài sản cố định vô hình. Giá trị hợp lý của mỗi quan hệ khách hàng có được từ việc hợp nhất kinh doanh được xác định bằng phương pháp tính lãi vượt trội trong nhiều giai đoạn, theo đó tài sản này được định giá sau khi trừ đi phần lợi nhuận hợp lý tính cho các tài sản khác đã góp phần tạo ra các luồng lưu chuyển tiền đó. Giá trị hợp lý của mỗi quan hệ khách hàng được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng năm năm.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính quý cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(j) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong và tài sản khoáng sản chưa khai thác. Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Tài sản khoáng sản chưa khai thác bao gồm giá trị hợp lý của trữ lượng khoáng sản, các chi phí liên quan đến việc triển khai trữ lượng này đã phát sinh trong hợp nhất kinh doanh và các chi phí triển khai phát sinh sau này. Những tài sản này đủ điều kiện để được vốn hóa khi trữ lượng khoáng sản liên quan đã được chứng minh là có tính khả thi về lợi ích kinh tế và kỹ thuật. Những tài sản này ban đầu được ghi nhận theo giá trị hợp lý như một phần của giao dịch hợp nhất kinh doanh và các chi phí triển khai liên quan đến việc khai thác sau đó sẽ được vốn hóa sau khi cân trừ tiền thu về từ việc bán khoáng sản khai thác trong giai đoạn triển khai. Sau khi hoàn thành việc phát triển, thời điểm xác định là khi sản phẩm có thể bán bắt đầu được khai thác từ mỏ, tất cả các tài sản này được phân loại thành tài sản cố định hữu hình.

(k) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí trước hoạt động

Chi phí trước hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, trừ các chi phí thành lập, cũng như các chi tiêu cho các hoạt động đào tạo, quảng cáo và khuyến mãi phát sinh từ ngày thành lập cho đến ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh. Các chi phí này được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn, được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá, và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm kể từ ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh.

(ii) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ 47 đến 50 năm.

(iii) Công cụ, dụng cụ và trực in

Công cụ, dụng cụ và trực in được phản ánh theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn sử dụng từ sáu tháng đến hai năm.

(iv) Chi phí vay

Chi phí hình thành khoản cho vay liên quan đến các khoản vay dài hạn và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian vay.

(v) Phí nâng cấp trang web

Phí nâng cấp trang web được phản ánh theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính quý cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(l) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc hợp nhất kinh doanh không chịu sự kiểm soát chung do mua lại công ty con và công ty liên kết.

Lợi thế thương mại được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng mười năm. Khi kế toán các khoản đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được bao gồm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(m) Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được phản ánh theo nguyên giá.

(n) Dự phòng

Dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc nghĩa vụ tiềm tàng đang hình thành có thể ước tính một cách tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu các dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh được sự đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của đồng tiền và những rủi ro cụ thể với khoản nợ phải trả đó.

(o) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính quý cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(p) *Vốn chủ sở hữu*

(i) *Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần*

Cổ phiếu phổ thông được phân loại như vốn chủ sở hữu. Phần chênh lệch tăng do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là khoản giảm thặng dư vốn cổ phần.

(ii) *Vốn khác của chủ sở hữu*

Các thỏa thuận phát hành một số lượng cổ phiếu nhất định vào một ngày ấn định trong tương lai, được ghi nhận dựa trên giá trị hợp lý tại ngày của các thỏa thuận và được ghi nhận vào vốn khác của chủ sở hữu nếu không tồn tại các thỏa thuận thay thế nào khác.

(iii) *Vốn khác*

Biến động vốn chủ sở hữu do việc hợp nhất kinh doanh, lãi/lỗ từ việc mua lại công cụ vốn chủ sở hữu và việc mua lại/thanh lý lợi ích cổ đông thiểu số được ghi nhận trong vốn khác thuộc vốn chủ sở hữu.

(q) *Doanh thu*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(r) *Doanh thu tài chính và chi phí tài chính*

(i) *Doanh thu tài chính*

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm lãi tiền gửi, lãi từ khoản cho vay và lãi chênh lệch tỷ giá. Lãi tiền gửi được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo cơ sở dồn tích.

(ii) *Chi phí tài chính*

Chi phí tài chính bao gồm chi phí lãi vay và lỗ do chênh lệch tỷ giá. Chi phí lãi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản cố định hữu hình đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay phát sinh trong suốt thời gian hình thành tài sản cố định sẽ được vốn hóa như một phần của nguyên giá các tài sản cố định này.

(s) *Lãi trên cổ phiếu*

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông trung bình lưu hành trong kỳ.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính quý cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(t) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát bên kia hay có ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tập đoàn		Công ty	
	30/6/2013	31/12/2012	30/6/2013	31/12/2012
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Tiền mặt	1.684	4.652	401	2.797
Tiền gửi ngân hàng	291.778	146.553	4.226	6.687
Tiền đang chuyển	7.278	-	-	-
Các khoản tương đương tiền	6.041.500	5.567.512	585.365	2.150.542
	6.342.240	5.718.717	589.992	2.160.026

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính quý cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

4. Các khoản phải thu

Phải thu khác bao gồm:

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	<u>30/6/2013</u>	<u>31/12/2012</u>	<u>30/6/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>
Các khoản phải thu ngắn hạn khác				
Khoản phải thu phi thương mại từ các công ty liên quan	142.244	206.244	458.454	224.902
Lãi trích trước phải thu từ tiền gửi	15.366	82.686	1.507	2.902
Thuế giá trị gia tăng của nhà thầu nước ngoài	6.883	24.257	6.883	7.345
Các dịch vụ phải thu	104.246	23.257	104.246	23.257
Phải thu khác	14.612	10.079	19	-
	283.351	346.523	571.109	258.406
Các khoản phải thu dài hạn khác				
Lãi phải thu dài hạn	43.372	23.158	-	-
Phải thu dài hạn khác	220.476	-	-	-
Các khoản phải thu dài hạn khác từ các công ty liên quan	-	-	2.426.200	1.658.406
	263.848	23.158	2.426.200	1.658.406

Phải thu khác từ các công ty liên quan bao gồm:

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	<u>30/6/2013</u>	<u>31/12/2012</u>	<u>30/6/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>
Phải thu từ Công ty Cổ phần Ma San – công ty mẹ				
Phi thương mại – ngắn hạn	142.244	142.244	142.244	142.244
Cổ tức phải thu từ Proconco – ngắn hạn				
	-	64.000	-	-
Phải thu từ các công ty liên quan khác				
Phi thương mại – ngắn hạn	-	-	316.210	82.658
Phi thương mại – dài hạn	-	-	2.426.200	1.658.406

Phải thu phi thương mại từ Công ty Cổ phần Ma San không được đảm bảo, không chịu lãi và phải thu theo điều kiện hợp đồng.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính quý cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, các khoản vay dài hạn – phi thương mại từ các công ty liên quan của Công ty không được đảm bảo và phải thu theo điều khoản của hợp đồng bao gồm:

- a) Phí duy trì hạn mức vay với lãi suất năm 12% đến 15% với số tiền là 1.418.710 triệu VND đối với khoản vay không có đảm bảo cho các công ty con với số tiền là 218 triệu USD và 2.200 tỷ VND chưa được giải ngân. Phí duy trì hạn mức vay này được trả trong năm 2014 và 2016.
- b) Một hợp đồng cấp vốn không được đảm bảo giữa Công ty và các công ty con có số vốn gốc là 487.500 triệu VND. Khoản vay này không chịu lãi và được trả vào ngày đáo hạn trong năm 2014.
- c) 299.514 triệu VND liên quan đến lãi phải thu đáo hạn trong năm 2014, từ khoản vay 2.000 tỷ VND cấp cho một công ty con trong năm 2011 mà khoản vay này đã được hoàn trả trong năm 2012; và
- d) 220.476 triệu VND liên quan đến gốc và lãi phải thu đáo hạn trong năm 2016.

Biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi trong kỳ như sau:

	Tập đoàn	
	Từ ngày 1/1/2013 đến ngày 30/6/2013 Triệu VND	Từ ngày 1/1/2012 đến ngày 30/6/2012 Triệu VND
Số dư đầu kỳ	378	1.084
Tăng dự phòng trong kỳ	557	88
Sử dụng dự phòng trong kỳ	-	(253)
Số dư cuối kỳ	935	919

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính quý cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

5. Hàng tồn kho

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	30/6/2013	31/12/2012	30/6/2013	31/12/2012
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Hàng mua đang đi đường	54.945	15.349	-	-
Nguyên vật liệu	390.639	396.321	-	-
Công cụ và dụng cụ	179.401	26.794	-	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	138.091	88.448	-	-
Thành phẩm	263.378	48.934	-	-
	1.026.454	575.846	-	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(10.243)	(11.991)	-	-
	1.016.211	563.855	-	-

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ như sau:

	<u>Tập đoàn</u>	
	Từ ngày 1/1/2013 đến ngày 30/6/2013	Từ ngày 1/1/2012 đến ngày 30/6/2012
	Triệu VND	Triệu VND
Số dư đầu kỳ	11.991	12.901
Tăng dự phòng trong kỳ	10.875	25.938
Sử dụng dự phòng trong kỳ	(7.870)	(12.368)
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(4.753)	(5.111)
	10.243	21.360

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính quý cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

6. Tài sản cố định hữu hình

Tập đoàn

	Nhà cửa và vật kiến trúc Triệu VND	Nâng cấp tài sản thuê Triệu VND	Thiết bị văn phòng Triệu VND	Máy móc và thiết bị Triệu VND	Phương tiện vận chuyển Triệu VND	Tổng Triệu VND
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	453.709	22.525	69.412	1.454.828	39.954	2.040.428
Tăng do hợp nhất kinh doanh	24.845	-	320	36.554	6.372	68.091
Tăng trong kỳ	520	623	954	14.782	5.033	21.912
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	60.418	71.111	13.111	97.659	726	243.025
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	(37)	(93)	(6.710)	(2.020)	(1.278)	(10.138)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(317)	-	(12.386)	(8.010)	(396)	(21.109)
Thanh lý	-	-	(352)	-	-	(352)
Số dư cuối kỳ	539.138	94.166	64.349	1.593.793	50.411	2.341.857
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	53.957	11.661	26.792	382.084	18.623	493.117
Khấu hao trong kỳ	14.479	8.500	7.207	98.297	3.452	131.935
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	(35)	-	(3.309)	(1.869)	(582)	(5.795)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(259)	-	(6.768)	(5.159)	(166)	(12.352)
Thanh lý	-	-	(287)	-	-	(287)
Số dư cuối kỳ	68.142	20.161	23.635	473.353	21.327	606.618
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	399.752	10.864	42.620	1.072.744	21.331	1.547.311
Số dư cuối kỳ	470.996	74.005	40.714	1.120.440	29.084	1.735.239

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính quý cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Bao gồm trong nguyên giá của tài sản cố định hữu hình là tài sản có trị 219.728 triệu VND được khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 (31/12/2012: 71.270 triệu VND) nhưng vẫn đang được sử dụng.

Giá trị ghi sổ của tài sản cố định hữu hình không còn sử dụng được và chờ thanh lý tại 30 tháng 6 năm 2013 là 48.270 triệu VND (31/12/2012: 24.138 triệu VND).

Giá trị ghi sổ của một số thiết bị tạm thời không sử dụng trong tài sản cố định hữu hình tại 30 tháng 6 năm 2013 là 11.567 triệu VND (31/12/2012: 35.556 triệu VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình là 672.564 triệu VND (31/12/2012: 613.304 triệu VND) được thế chấp với ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

Công ty

	Nâng cấp tài sản thuê Triệu VND	Dụng cụ văn phòng Triệu VND	Tổng Triệu VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	15.083	2.615	17.698
Tăng trong kỳ	464	517	981
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	71.111	3.733	74.844
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	-	(437)	(437)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	(918)	(918)
Số dư cuối kỳ	86.658	5.510	92.168
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	4.988	1.003	5.991
Khấu hao trong kỳ	8.215	1.307	9.522
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	-	(311)	(311)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	(335)	(335)
Số dư cuối kỳ	13.203	1.664	14.867
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	10.095	1.612	11.707
Số dư cuối kỳ	73.455	3.846	77.301

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính quý cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

7. Tài sản cố định vô hình

Tập đoàn

	Quyền sử dụng đất Triệu VND	Phần mềm vi tính Triệu VND	Nhãn hiệu Triệu VND	Quan hệ khách hàng Triệu VND	Tổng Triệu VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	144.357	19.344	544.435	320.647	1.028.783
Tăng do hợp nhất kinh doanh	9.058	306	-	5	9.369
Tăng trong kỳ	-	2.217	-	946	3.163
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	2.246	15.097	-	-	17.343
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	(508)	-	-	(508)
Số dư cuối kỳ	155.661	36.456	544.435	321.598	1.058.150
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	15.920	10.601	63.927	74.819	165.267
Khấu hao trong kỳ	2.176	3.263	27.331	32.041	64.811
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	(210)	-	-	(210)
Số dư cuối kỳ	18.096	13.654	91.258	106.860	229.868
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	128.437	8.743	480.508	245.828	863.516
Số dư cuối kỳ	137.565	22.802	453.177	214.738	828.282

Bao gồm trong nguyên giá của tài sản cố định vô hình là tài sản có trị giá 4.253 triệu VND được khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 (31/12/2012: 1.931 triệu VND) nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 quyền sử dụng đất với giá trị ghi sổ là 74.390 triệu VND (31/12/2012: 53.659 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của các Công ty con.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính quý cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Công ty

	Phần mềm vi tính Triệu VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ	1.566
Tăng trong kỳ	81
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	2.161
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(18)
Số dư cuối kỳ	3.790
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	464
Khấu hao trong kỳ	280
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(4)
Số dư cuối kỳ	740
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	1.102
Số dư cuối kỳ	3.050

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	Từ ngày 1/1/2013 đến ngày 30/6/2013 Triệu VND	Từ ngày 1/1/2012 đến ngày 30/6/2012 Triệu VND	Từ ngày 1/1/2013 đến ngày 30/6/2013 Triệu VND	Từ ngày 1/1/2012 đến ngày 30/6/2012 Triệu VND
Số dư đầu kỳ	15.317.924	9.425.067	71.628	3.568
Tăng do hợp nhất kinh doanh	215	-	-	-
Tăng trong kỳ	2.911.485	2.278.842	13.314	38.429
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(243.025)	(344.176)	(74.844)	-
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(17.343)	(172)	(2.161)	-
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(3.673)	(6.722)	(41)	-
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	(776)	-	(573)	-
Số dư cuối kỳ	17.964.807	11.352.839	7.323	41.997

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính quý cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Trong kỳ chi phí vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang là 578.619 triệu VND (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012: 479.033 triệu VND).

9. Các khoản đầu tư

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	<u>30/6/2013</u>	<u>31/12/2012</u>	<u>30/6/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>
Đầu tư dài hạn				
Đầu tư vào các công ty con (a)	-	-	14.372.038	12.490.634
Đầu tư vào các công ty liên kết (b)	10.877.695	10.948.119	8.932.424	8.932.424
Đầu tư dài hạn khác (c)	369.100	365.500	-	-
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	11.246.795	11.313.619	23.304.462	21.423.058
<hr/>				
Đầu tư ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng (d)	-	1.840.500	-	68.000
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	-	1.840.500	-	68.000
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty con của Công ty như sau:

	30/6/2013	31/12/2012
	Triệu VND	Triệu VND
Công ty Cổ phần Hàng Tiêu Dùng Ma San	10.540.924	10.333.461
Công ty TNHH Một Thành Viên Tư vấn Hoa Bằng Lăng	516.600	516.600
Công ty TNHH Một Thành Viên Tư vấn Hoa Phong Lan	441.200	441.200
Công ty Cổ Phần Tầm Nhìn Ma San	2.873.314	1.199.373
	<hr/>	<hr/>
	14.372.038	12.490.634
	<hr/>	<hr/>

(a) Đầu tư vào các công ty con

Trong tháng 1 năm 2013, Tập đoàn đã mua thêm cổ phần của Công ty Cổ phần Hàng Tiêu Dùng MaSan với tổng giá trị thanh toán bằng tiền là 207 tỷ VND.

(b) Đầu tư vào các công ty liên kết

Khoản đầu tư vào các công ty liên kết của Tập đoàn lần lượt là khoản đầu tư 30,44% (31/12/2012: 30,44%) và 30,97% (31/12/2012: 32,32%) lợi ích kinh tế trong Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam (“Techcombank”) và Công ty Cổ phần Việt Pháp Sản Xuất Thức ăn Gia súc (“Proconco”) tại ngày 30 tháng 6 năm 2013.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính quý cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(c) Đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc trên mười hai tháng kể từ ngày giao dịch. Trong kỳ, các khoản tiền gửi có kỳ hạn này bằng Đồng Việt Nam và hưởng lãi suất năm là 11% (31/12/2012: 11%).

(d) Đầu tư ngắn hạn

Các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc trên ba tháng và dưới 12 tháng kể từ ngày giao dịch. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn này bằng Đồng Việt Nam và hưởng lãi suất năm là 6% - 6,8% trong kỳ (31/12/2012: 8%).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính quý cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

10. Chi phí trả trước dài hạn

Tập đoàn

	Chi phí trước hoạt động Triệu VND	Chi phí đất trả trước Triệu VND	Trục in Triệu VND	Công cụ và dụng cụ Triệu VND	Chi phí vay Triệu VND	Phí nâng cấp trang web Triệu VND	Tổng Triệu VND
Số dư đầu kỳ	56.796	2.286	755	15.877	21.210	136	97.060
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	6.060	-	-	6.060
Tăng trong kỳ	-	-	1.203	6.072	-	-	7.275
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	-	-	3.673	-	-	3.673
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	-	-	-	8.757	-	-	8.757
Chuyển từ tài sản cố định vô hình	-	-	-	298	-	-	298
Phân bổ trong kỳ	-	(30)	(1.319)	(8.198)	(3.754)	(136)	(13.437)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	-	-	-	(3.512)	-	-	(3.512)
Thanh lý	-	-	(5)	(115)	-	-	(120)
Số dư cuối kỳ	56.796	2.256	634	28.912	17.456	-	106.054

Công ty

	Chi phí vay Triệu VND	Phí nâng cấp trang web Triệu VND	Công cụ và dụng cụ Triệu VND	Tổng Triệu VND
Số dư đầu kỳ	21.210	136	-	21.346
Tăng trong kỳ	-	-	441	441
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	-	41	41
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	-	-	583	583
Chuyển từ tài sản cố định vô hình	-	-	14	14
Phân bổ trong kỳ	(3.754)	(136)	(384)	(4.274)
Số dư cuối kỳ	17.456	-	695	18.151

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính quý cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

11. Tài sản và nợ thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản và nợ thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận:

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	<u>30/6/2013</u>	<u>31/12/2012</u>	<u>30/6/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:				
Chiết khấu hàng bán phải trả	13.686	9.133	-	-
Chi phí quảng cáo khuyến mại phải trả	9.965	14.193	-	-
Chi phí vận chuyển phải trả	13.187	6.677	-	-
Chi phí phải trả khác	1.181	4.041	-	-
Lợi nhuận chưa thực hiện	9.472	1.991	-	-
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	47.491	36.035	-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:				
Xây dựng cơ bản dở dang	(751.021)	(751.021)	-	-
Tài sản cố định hữu hình	(10.591)	(11.330)	-	-
Tài sản cố định vô hình	(93.256)	(97.766)	-	-
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	(854.868)	(860.117)	-	-
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	(807.377)	(824.082)	-	-
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính quý cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

12. Lợi thế thương mại

	<u>Tập đoàn</u> Triệu VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ	284.728
Tăng trong kỳ	367.433
	<hr/>
Số dư cuối kỳ	652.161
	<hr/>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	36.096
Khấu hao trong kỳ	25.820
	<hr/>
Số dư cuối kỳ	61.916
	<hr/>
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	248.632
Số dư cuối kỳ	590.245
	<hr/>

13. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	30/6/2013 Triệu VND	31/12/2012 Triệu VND	30/6/2013 Triệu VND	31/12/2012 Triệu VND
Vay ngắn hạn	995.766	1.540.393	-	-
Nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 17)	2.308.429	252.991	188.100	-
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	3.304.195	1.793.384	188.100	-
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>

Điều kiện và điều khoản của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền tệ	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
		30/6/2013 Triệu VND	31/12/2012 Triệu VND	30/6/2013 Triệu VND	31/12/2012 Triệu VND
Vay ngân hàng:					
Tiền VND	VND	993.186	1.540.393	-	-
Tiền Đô la Mỹ	USD	2.580	-	-	-
		<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính quý cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

14. Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	<u>30/6/2013</u>	<u>31/12/2012</u>	<u>30/6/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	248.851	535.785	-	-
Thuế giá trị gia tăng	48.175	39.626	-	-
Thuế xuất nhập khẩu	11.802	11.446	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	20.902	14.126	-	-
Các loại thuế khác	6.350	7.910	473	-
	336.080	608.893	473	-

15. Chi phí phải trả

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	<u>30/6/2013</u>	<u>31/12/2012</u>	<u>30/6/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>
Lãi vay phải trả	490.559	549.848	355.504	415.560
Phải trả cho xây dựng công trình	66.463	195.070	-	-
Chi phí quảng cáo và khuyến mại	96.049	139.125	-	-
Phí tư vấn	128.269	127.954	29.025	38.074
Thưởng và lương tháng 13	104.249	98.624	-	-
Chiết khấu hàng bán	28.435	41.188	-	-
Chi phí vận chuyển	45.662	30.615	-	-
Thuế nhà thầu	22.220	31.183	9.200	10.013
Chi phí hàng tồn kho phải trả	41.813	28.139	-	-
Các khoản khác	131.917	59.185	2.311	7.828
	1.155.636	1.300.931	396.040	471.475

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính quý cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

16. Phải trả khác

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	30/6/2013	31/12/2012	30/6/2013	31/12/2012
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Phải trả ngắn hạn khác				
Bảo hiểm y tế và bảo hiểm xã hội	2.455	226	-	-
Tiền ký quỹ ngắn hạn của khách hàng	1.559	480	-	-
Phải trả khác	75.122	43.624	-	-
	79.136	44.330	-	-
Phải trả dài hạn khác				
Phải trả dài hạn khác cho một công ty con	-	-	1.943.303	1.432.596
Phải trả dài hạn	345.383	381.563	331.165	381.563
Nghĩa vụ phát hành cổ phiếu	512.624	356.269	356.269	356.269
	858.007	737.832	2.630.737	2.170.428

17. Vay và nợ dài hạn

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	30/6/2013	31/12/2012	30/6/2013	31/12/2012
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Vay dài hạn (a)	7.252.341	6.667.882	5.050.000	4.000.000
Hối phiếu nhận nợ	2.855.764	2.855.764	-	-
Trái phiếu và các khoản vay chuyên đổi	1.176.522	1.176.522	1.176.522	1.176.522
Trái phiếu có đảm bảo	2.200.000	2.200.000	2.200.000	2.200.000
	13.484.627	12.900.168	8.426.522	7.376.522
Hoàn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 13)	(2.308.429)	(252.991)	(188.100)	-
Hoàn trả sau 12 tháng	11.176.198	12.647.177	8.238.422	7.376.522

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính quý cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

a. Vay dài hạn

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	<u>30/6/2013</u>	<u>31/12/2012</u>	<u>30/6/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>
Vay ngân hàng:				
Tiền VND	2.813.068	2.397.355	-	-
Tiền Đô la Mỹ	4.439.273	4.270.527	-	-
Khoản vay từ công ty con	-	-	5.050.000	4.000.000
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	7.252.341	6.667.882	5.050.000	4.000.000

Khoản vay từ công ty con không được đảm bảo, chịu lãi suất năm là 10,5% - 13% và phải trả theo các điều khoản trên hợp đồng.

18. Dự phòng trợ cấp thôi việc

Biến động dự phòng trợ cấp thôi việc trong kỳ như sau:

	<u>Tập đoàn</u>	
	<u>Từ ngày 1/1/2013 đến ngày 30/6/2013</u>	<u>Từ ngày 1/1/2012 đến ngày 30/6/2012</u>
	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>
Số dư đầu kỳ	1.807	8.564
Dự phòng sử dụng trong kỳ	-	(367)
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(426)	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	1.381	8.197

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Công ty.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Tập đoàn và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Tập đoàn không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2008 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính quý cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Form B 09 – DN

19. Biến động của vốn chủ sở hữu

Tập đoàn

	Vốn cổ phần Triệu VND	Thặng dư vốn cổ phần Triệu VND	Vốn khác của chủ sở hữu Triệu VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái Triệu VND	Vốn khác Triệu VND	Lợi nhuận chưa phân phối Triệu VND	Vốn chủ sở hữu thuộc về cổ đông vốn chủ sở hữu của Công ty Triệu VND	Cổ đông thiếu số Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	5.152.723	2.166.136	10.462.804	(16.066)	(6.569.981)	4.680.036	15.875.652	5.679.380	21.555.032
Phát hành cổ phiếu mới thông qua việc chuyển đổi công cụ vốn chủ sở hữu	964.638	5.394.006	(6.358.644)	-	-	-	-	-	-
Phát hành cổ phiếu mới thông qua việc chuyển đổi công cụ nợ	344.440	439.025	-	-	-	-	783.465	-	783.465
Phát hành cổ phiếu mới bằng tiền	411.000	-	-	-	-	-	411.000	-	411.000
Phát hành công cụ vốn chủ sở hữu	-	-	909.846	-	-	-	909.846	-	909.846
Tăng lợi ích cổ đông thiểu số từ việc phát hành vốn cổ phần từ các công ty con	-	-	-	-	(22.447)	-	(22.447)	34.947	12.500
Mua lại công cụ vốn chủ sở hữu	-	-	(4.104.160)	-	(530.235)	-	(4.634.395)	-	(4.634.395)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái trong một công ty con	-	-	-	2.553	-	-	2.553	1.374	3.927
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	849.233	849.233	274.493	1.123.726
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	(15.867)	(15.867)
Phân bổ vào các quỹ khác	-	-	-	-	-	(10.892)	(10.892)	(10.674)	(21.566)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2012	6.872.801	7.999.167	909.846	(13.513)	(7.122.663)	5.518.377	14.164.015	5.963.653	20.127.668

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính quý cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Form B 09 – DN

Tập đoàn

	Vốn cổ phần Triệu VND	Thặng dư vốn cổ phần Triệu VND	Vốn khác của chủ sở hữu Triệu VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái Triệu VND	Vốn khác Triệu VND	Lợi nhuận chưa phân phối Triệu VND	Vốn chủ sở hữu thuộc về cổ đông vốn chủ sở hữu của Công ty Triệu VND	Cổ đông thiếu số Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	6.872.801	7.999.167	1.721.824	(16.128)	(8.619.479)	5.925.652	13.883.837	5.820.548	19.704.385
Phát hành cổ phiếu mới bằng tiền	178.608	-	-	-	-	-	178.608	-	178.608
Tăng lợi ích cổ đông thiếu số từ việc phát hành vốn cổ phần từ các công ty con	-	-	-	-	1.237.073	-	1.237.073	1.460.509	2.697.582
Giảm lợi ích cổ đông thiếu số từ việc mua cổ phần của công ty con	-	-	-	-	(159.430)	-	(159.430)	(48.033)	(207.463)
Tăng lợi ích cổ đông thiếu số từ việc mua cổ phần của công ty con	-	-	-	-	-	-	-	40.754	40.754
Chênh lệch tỷ giá hối đoái trong một công ty con	-	-	-	(26.631)	-	-	(26.631)	(13.330)	(39.961)
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	135.721	135.721	166.611	302.332
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	(14.926)	(14.926)
Phân bổ vào các quỹ khác	-	-	-	-	-	(15.926)	(15.926)	(16.948)	(32.874)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2013	7.051.409	7.999.167	1.721.824	(42.759)	(7.541.836)	6.045.447	15.233.252	7.395.185	22.628.437

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính quý cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B09 - DN

Công ty:

	Vốn cổ phần Triệu VND	Thặng dư vốn cổ phần Triệu VND	Vốn khác của chủ sở hữu Triệu VND	Vốn khác Triệu VND	Lợi nhuận chưa phân phối Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	5.152.723	2.166.136	10.462.804	-	(22.449)	17.759.214
Phát hành cổ phiếu mới thông qua việc chuyển đổi công cụ vốn chủ sở hữu	964.638	5.394.006	(6.358.644)	-	-	-
Phát hành cổ phiếu mới thông qua việc chuyển đổi công cụ nợ	344.440	439.025	-	-	-	783.465
Phát hành cổ phiếu mới bằng tiền	411.000	-	-	-	-	411.000
Phát hành công cụ vốn chủ sở hữu	-	-	909.846	-	-	909.846
Mua lại công cụ vốn chủ sở hữu	-	-	(4.104.160)	(530.235)	-	(4.634.395)
Lãi thuần trong kỳ	-	-	-	-	16.893	16.893
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2012	6.872.801	7.999.167	909.846	(530.235)	(5.556)	15.246.023
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	6.872.801	7.999.167	1.721.824	(530.235)	(242.703)	15.820.854
Phát hành cổ phiếu mới bằng tiền	178.608	-	-	-	-	178.608
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	-	-	(179.851)	(179.851)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2013	7.051.409	7.999.167	1.721.824	(530.235)	(422.554)	15.819.611

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính quý cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

20. Vốn cổ phần và thặng dư vốn

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2013		31/12/2012	
	Số lượng cổ phiếu	Triệu VND	Số lượng cổ phiếu	Triệu VND
Vốn cổ phần được duyệt	705.140.873	7.051.409	687.280.123	6.872.801
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	705.140.873	7.051.409	687.280.123	6.872.801
Thặng dư vốn cổ phần	-	7.999.167	-	7.999.167

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Thặng dư vốn cổ phần là phần chênh lệch giữa giá bán và mệnh giá của các cổ phiếu được phát hành.

21. Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác của chủ sở hữu phản ánh giá trị hợp lý của số cổ phiếu cố định của Công ty sẽ được phát hành trong tương lai.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính quý cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B09 - DN

22. Tổng doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp được ghi trên hóa đơn không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	<u>Từ ngày</u> <u>1/1/2013</u> <u>đến ngày</u> <u>30/6/2013</u> <u>Triệu VND</u>	<u>Từ ngày</u> <u>1/1/2012</u> <u>đến ngày</u> <u>30/6/2012</u> <u>Triệu VND</u>	<u>Từ ngày</u> <u>1/1/2013</u> <u>đến ngày</u> <u>30/6/2013</u> <u>Triệu VND</u>	<u>Từ ngày</u> <u>1/1/2012</u> <u>đến ngày</u> <u>30/6/2012</u> <u>Triệu VND</u>
Tổng doanh thu				
▪ Thành phẩm	4.351.862	4.164.134	-	-
▪ Dịch vụ và doanh thu khác	3.078	-	-	-
Các khoản giảm trừ				
▪ Chiết khấu hàng bán	(71.014)	(73.513)	-	-
▪ Hàng bán bị trả lại	(13.847)	(28.746)	-	-
Doanh thu thuần	4.270.079	4.061.875	-	-

23. Giá vốn hàng bán

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	<u>Từ ngày</u> <u>1/1/2013</u> <u>đến ngày</u> <u>30/6/2013</u> <u>Triệu VND</u>	<u>Từ ngày</u> <u>1/1/2012</u> <u>đến ngày</u> <u>30/6/2012</u> <u>Triệu VND</u>	<u>Từ ngày</u> <u>1/1/2013</u> <u>đến ngày</u> <u>30/6/2013</u> <u>Triệu VND</u>	<u>Từ ngày</u> <u>1/1/2012</u> <u>đến ngày</u> <u>30/6/2012</u> <u>Triệu VND</u>
Tổng giá vốn hàng				
▪ Thành phẩm đã bán	2.645.337	2.443.877	-	-
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	6.122	20.827	-	-
	2.651.459	2.464.704	-	-

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính quý cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B09 - DN

24. Doanh thu tài chính

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	Từ ngày 1/1/2013 đến ngày 30/6/2013 Triệu VND	Từ ngày 1/1/2012 đến ngày 30/6/2012 Triệu VND	Từ ngày 1/1/2013 đến ngày 30/6/2013 Triệu VND	Từ ngày 1/1/2012 đến ngày 30/6/2012 Triệu VND
Lãi thu từ:				
▪ Tiền gửi	183.082	524.162	12.373	154.885
▪ Đầu tư trái phiếu	-	26.684	-	26.684
▪ Cho công ty con vay	-	-	52.095	141.333
Thu nhập từ phí duy trì hạn mức vay từ các công ty con	-	-	526.203	320.270
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	43.552	4.408	7.980	52
Doanh thu hoạt động tài chính khác	484	884	-	-
	227.118	556.138	598.651	643.224

25. Chi phí tài chính

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	Từ ngày 1/1/2013 đến ngày 30/6/2013 Triệu VND	Từ ngày 1/1/2012 đến ngày 30/6/2012 Triệu VND	Từ ngày 1/1/2013 đến ngày 30/6/2013 Triệu VND	Từ ngày 1/1/2012 đến ngày 30/6/2012 Triệu VND
Chi phí lãi vay từ:				
▪ Ngân hàng	62.217	79.751	-	-
▪ Các trái chủ	52.978	80.842	216.631	163.116
▪ Công ty con	-	-	314.407	270.602
Phí duy trì hạn mức vay trả cho các công ty con	-	-	196.300	162.946
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	32.480	1.385	75	16
Chi phí tài chính khác	9.247	9.386	12.035	9.206
	156.922	171.364	739.448	605.886

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính quý cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B09 - DN

26. Thu nhập khác

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	Từ ngày 1/1/2013 đến ngày 30/6/2013 Triệu VND	Từ ngày 1/1/2012 đến ngày 30/6/2012 Triệu VND	Từ ngày 1/1/2013 đến ngày 30/6/2013 Triệu VND	Từ ngày 1/1/2012 đến ngày 30/6/2012 Triệu VND
Thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn	113	795	-	-
Thu từ bán phế liệu	9.507	9.569	-	-
Thu nhập khác	114.055	89.859	72.723	79.458
	123.675	100.223	72.723	79.458

27. Chi phí khác

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	Từ ngày 1/1/2013 đến ngày 30/6/2013 Triệu VND	Từ ngày 1/1/2012 đến ngày 30/6/2012 Triệu VND	Từ ngày 1/1/2013 đến ngày 30/6/2013 Triệu VND	Từ ngày 1/1/2012 đến ngày 30/6/2012 Triệu VND
Giá trị ghi sổ của tài sản cố định và tài sản dài hạn đã thanh lý	255	2.379	-	-
Chi phí bán phế liệu	4.246	6.271	-	-
Chi phí khác	29.244	3.439	-	-
	33.745	12.089	-	-

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính quý cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B09 - DN

28. (Lỗ)/lợi nhuận từ các công ty liên kết

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	Từ ngày 1/1/2013 đến ngày 30/6/2013 Triệu VND	Từ ngày 1/1/2012 đến ngày 30/6/2012 Triệu VND	Từ ngày 1/1/2013 đến ngày 30/6/2013 Triệu VND	Từ ngày 1/1/2012 đến ngày 30/6/2012 Triệu VND
Lợi nhuận từ các công ty liên kết	263.437	376.184	-	-
Điều chỉnh phát sinh từ phân bổ giá mua và phân bổ lợi thế thương mại	(336.751)	(288.143)	-	-
	(73.314)	88.041	-	-

29. Lãi trên cổ phiếu

Việc tính lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 được dựa trên lợi nhuận thuần trong kỳ phân bổ cho cổ đông phổ thông của Tập đoàn là 135.721 triệu VND (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012: 849.233 triệu VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành trong kỳ là 730.398.138 cổ phiếu (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012: 692.084.849 cổ phiếu), được tính như sau:

(i) *Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông*

	Từ ngày 1/1/2013 đến ngày 30/6/2013 Triệu VND	Từ ngày 1/1/2012 đến ngày 30/6/2012 Triệu VND
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	135.721	849.233

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính quý cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(ii) **Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành**

	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2013	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012
Số cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu kỳ	687.280.123	515.272.269
Ảnh hưởng của cổ phiếu phát hành bằng tiền mặt	2.944.080	5.645.604
Ảnh hưởng của cổ phiếu phát hành để thanh toán cho trái phiếu và các khoản vay chuyển đổi	-	378.506
Ảnh hưởng của cổ phiếu phát hành để thanh toán cho vốn khác của chủ sở hữu	-	96.463.766
Ảnh hưởng của việc mua lại công cụ vốn chủ sở hữu	-	50.609.123
Ảnh hưởng của cổ phiếu đã phát hành riêng lẻ sau một thời gian	40.173.935	23.715.581
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền tại thời điểm cuối kỳ	730.398.138	692.084.849

30. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Cùng với số dư của bên liên quan và các giao dịch trình bày trong thuyết minh khác trong báo cáo tài chính này. Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau:

Tập đoàn:

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2013 Triệu VND	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 Triệu VND
Công ty mẹ			
Công ty Cổ phần Ma San	Chi phí lãi vay và thuế nhà thầu được chia sẻ bởi công ty mẹ	-	79.458
Các bên liên quan khác			
Công ty Cổ phần Dịch vụ Toàn cầu Ma San	Phí bảo trì	-	2.843
Công ty Cổ phần Bất động sản Masan	Phí dịch vụ và ứng trước Chi phí xây dựng ứng trước	- -	5.648 2.514
Ban quản lý chủ chốt	Thù lao trả cho ban quản lý chủ chốt (*)	24.359	17.642

(*) Các thành viên trong Hội đồng Quản trị không được hưởng bất cứ khoản thù lao nào trong năm 2013 và 2012.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính quý cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B09 - DN

Công ty:

Công ty liên quan	Bản chất giao dịch	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2013 Triệu VND	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 Triệu VND
Công ty mẹ			
Công ty Cổ phần Ma San	Chi phí lãi vay và thuế được chia sẻ bởi công ty mẹ	-	79.438
Công ty con			
Công ty Cổ phần Hàng Tiêu Dùng	Khoản vay nhận được từ công ty con	1.050.000	-
	Chi phí lãi vay từ các khoản cho vay	314.407	270.602
	Phí duy trì khoản vay	196.300	162.946
Công ty Cổ Phần Tầm Nhìn Ma San	Cấp vốn cho công ty con	1.673.941	-
Công ty Cổ Phần Tài Nguyên Ma San	Thu nhập lãi từ khoản cho công ty con vay	46.114	141.333
	Thu nhập từ phí duy trì khoản vay	196.300	162.946
	Khoản vay cấp cho công ty con	930.000	-
	Thu hồi khoản vay từ công ty con	727.000	-
Công ty TNHH Khai Thác Chế Biến Khoáng Sản Núi Pháo	Thu nhập từ phí duy trì khoản vay	329.903	157.324
Công ty TNHH Một Thành viên Tư vấn Hoa Phong Lan	Khoản vay cấp cho công ty con	214.492	-
	Thu nhập lãi từ khoản cho công ty con vay	5.983	-
Ban quản lý chủ chốt	Thù lao trả cho ban quản lý chủ chốt (*)	4.137	2.553

(*) Các thành viên trong Hội đồng Quản trị không được hưởng bất cứ khoản thù lao nào trong năm 2013 và 2012.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính quý cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B09 - DN

31. Sự kiện sau niên độ

Huy động vốn

Trong tháng 7 năm 2013, Công ty TNHH MTV Công Nghiệp Ma San, một công ty con của Công ty Cổ phần Hàng Tiêu Dùng Ma San đã ký hợp đồng với JP Morgan cho khoản vay 175 triệu đô la Mỹ trong ba năm, trong đó số tiền 150 triệu đô la Mỹ sẽ được giải ngân vào tháng 8 năm 2013. Ngoài ra, 150 triệu đô la Mỹ của khoản vay được bảo đảm bằng Cơ quan bảo lãnh đầu tư đa phương ("MIGA"), một thành viên của Ngân hàng Thế giới. Phần khoản vay được MIGA bảo đảm chịu lãi suất LIBOR + 3,5%, phần khoản vay không được MIGA đảm bảo chịu lãi suất LIBOR + 4,5%. Số tiền thu được sẽ được sử dụng để tái cấp vốn cho khoản vay 108 triệu đô la Mỹ hiện tại và tiếp tục đầu tư vào các doanh nghiệp kinh doanh trong ngành hàng tiêu dùng của Tập Đoàn. Công ty và Công ty Cổ phần Hàng Tiêu Dùng Ma San chịu trách nhiệm bảo lãnh cho khoản vay này.

Ngày 2 tháng 7 năm 2013, Công ty Cổ phần Hàng Tiêu Dùng Ma San đã ký thỏa thuận cuối cùng để sở hữu 49% cổ phần trong Công ty TNHH MTV Hoa Mười Giờ, một công ty con của Công ty Cổ phần Hàng Tiêu Dùng Ma San. TPG sẽ trả tổng giá trị tiền mặt là khoảng 50 triệu đô la Mỹ để mua lại số cổ phần sở hữu này của Công ty Cổ phần Hàng Tiêu Dùng Ma San. Như là một phần của giao dịch này, Công ty cấp cho nhà đầu tư quyền chọn bán 49% cổ phần tại Công ty TNHH MTV Hoa Mười Giờ lấy cổ phiếu của Công ty sau 3 năm kể từ khi kết thúc giao dịch. Số lượng cổ phiếu phát hành trong trường hợp quyền chọn bán được thực hiện sẽ dựa trên giá giao dịch cổ phiếu của Công ty và số lượng cổ phiếu đó sẽ cho phép các nhà đầu tư tạo ra một tỷ suất sinh lợi là 10% một năm trên số tiền đầu tư ban đầu.

Công ty liên doanh H.C Starck

Ngày 29 tháng 7 năm 2013, Công ty TNHH Khai Thác Chế Biến Khoáng Sản Núi Pháo ("Núi Pháo"), được sở hữu 100% gián tiếp bởi Công ty Cổ Phần Tài Nguyên Ma San, đã ký hợp đồng với H.C. Starck GmbH, thành lập Công ty liên doanh để tinh luyện vonfram ở Việt Nam. Núi Pháo sẽ sở hữu 51% cổ phần trong công ty liên doanh, công ty này sẽ tinh luyện tất cả quặng vonfram do Núi Pháo sản xuất để ra được tinh quặng vonfram có giá trị gia tăng cao hơn. H.C. Starck GmbH, sở hữu 49% cổ phần trong công ty liên doanh, H.C. Starck đã cam kết sẽ mua một phần đáng kể tinh quặng vonfram do Công ty liên doanh sản xuất để sử dụng cho hoạt động nội bộ của mình.

Đơn giản hóa cơ cấu tài chính

Kể từ sau tháng 6 năm 2013, Tập đoàn đã thực hiện một loạt các sáng kiến để đơn giản hóa cơ cấu tài chính của mình bằng cách mua lại, chấm dứt hoặc chuyển đổi các công cụ tài chính vốn đã được phát hành trong những năm trước nhằm huy động vốn và/hoặc thực hiện mua bán doanh nghiệp.

Trong tháng 7 năm 2013, Công ty đã mua lại các khoản vay chuyển đổi và các khoản vay chuyển đổi bắt buộc được phát hành trong năm 2012 cho Kairos Capital Limited, một quỹ đầu tư của Chandler Corporation. Công ty cũng đã mua lại hai phần ba khoản vay chuyển đổi đã phát hành cho MRG, Ltd, một quỹ đầu tư của Mount Kellett trong năm 2012.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính quý cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B09 - DN

Công ty cũng đã đàm phán lại các thỏa thuận với các trái chủ để chấm dứt các quyền chọn đã được phát hành liên quan đến khoản tiền VND2.200 tỷ trong năm 2012.

Các khoản vay chuyển đổi và khoản vay chuyển đổi bắt buộc được ghi nhận là vốn khác của chủ sở hữu nên việc mua và chấm dứt các khoản vay này sẽ chỉ làm thay đổi trong vốn chủ sở hữu.

Kết quả của các sáng kiến làm đơn giản hóa cơ cấu tài chính của Tập đoàn, Công ty đã loại bỏ khả năng pha loãng tiềm tàng của khoảng 67,8 triệu cổ phiếu phổ thông và chi khoảng 162 triệu đô la Mỹ. Mức giá này đã được chiết khấu đáng kể so với giá cổ phiếu trên thị trường của Công ty tại thời điểm đó. Tập đoàn đang trong các cuộc thảo luận để tiếp tục mua lại hoặc chuyển đổi các công cụ vốn còn lại với các nhà đầu tư và các bên cho vay của mình.

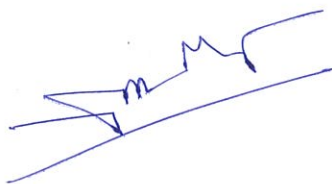
32. Giải trình biến động lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế quý 2 năm 2013 của Tập đoàn là 267 tỷ VND so với lợi nhuận thuần của cùng kỳ năm trước là 674 tỷ VND, giảm 60% là do:

- Lợi nhuận được chia từ các công ty liên kết giảm do lợi nhuận của Techcombank giảm (tác động bởi điều kiện kinh doanh đầy thách thức trong lĩnh vực ngân hàng) và phát sinh phân bổ lợi thế thương mại (của giao dịch mua cổ phần công ty Proconco).
- Doanh thu tài chính giảm do giảm lãi suất tiền gửi.
- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý của Công ty Cổ phần Hàng Tiêu Dùng Ma San tăng do tăng cường chiến lược xây dựng thương hiệu.

Kết quả kinh doanh riêng lẻ quý 2 năm 2013 của Công ty lỗ 139 tỷ VND so với khoản lợi nhuận 73 tỷ VND của cùng kỳ năm trước là do giảm doanh thu tài chính.

Người lập:



Đoàn Thị Mỹ Duyên
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Đăng Quang
Chủ tịch

Đ